

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HN- ST
Ngày 04/8/2023
V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Sầm; Bà Mai Thị Nhắc
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thư Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
- *Kiểm sát viên tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng.

Ngày **04** tháng **8** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2023/TLST-HN ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc “*xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2023/QĐXXST-HN ngày 25/7/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Huỳnh Thị Kim T, sinh 1988 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Tân Quới 2, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Lê Văn T1, sinh 1988 (có mặt)

Trú tại: Ấp Tân Quới 2, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại biên bản hoà giải ngày 25/7/2023 nguyên đơn chị T trình bày:

Vào năm 2012 tôi và anh T1 đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tiếng nói chung. Nay tôi xin ly hôn với anh T1.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Lê Huỳnh Tuyết Nhung, sinh ngày 02/7/2015. Nay tôi xin nuôi con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên toà bị đơn anh T1 trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện thành hôn, con chung, tài sản, nợ nần như vợ tôi trình bày là đúng, nguyên nhân mất hạnh phúc thừa nhận vợ chồng có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng không lớn, nay tôi còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì con chung tôi đồng ý để vợ tôi nuôi và tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng như yêu cầu của T.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị T, anh T1 kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân cách bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh T1 muốn trở về đoàn tụ với chị T nhưng anh T1 không đưa ra được phương án để vợ chồng có thể hàn gắn, từ lúc ly thân đến nay anh chị bỏ mặt cho nhau, do đó nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Lê Huỳnh Tuyết Nhung, sinh ngày 02/7/2015. Bé Nhung hiện tại đã trên 07 tuổi, sau khi được hỏi ý kiến thì nguyện vọng của bé mong muốn được sống cùng mẹ, và chị T anh T1 cũng đồng ý, nếu vợ chồng ly hôn thì con chung sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T là phù hợp. Đối với mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là phù hợp và anh T1 cũng đồng ý cấp dưỡng, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim T. Chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi con Lê Huỳnh Tuyết Nhung, sinh ngày 02/7/2015. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng

đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2023).

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị T, anh T1 được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006604 ngày 29/5/2023 là đủ. Anh T1 chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam(1b);
- UBND xã Phước Hiệp (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký